

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM



BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
(Áp dụng cho khóa tuyển sinh 2021)

NGÀNH: VIỆT NAM HỌC (CHUYÊN NGÀNH VĂN HOÁ - DU LỊCH)
TÊN TIẾNG ANH: VIETNAMESE STUDIES (MAJOR CULTURE AND
TOURISM)

MÃ SỐ: 7310630

KHỐI NGÀNH: KHOA HỌC XÃ HỘI NHÂN VĂN
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

Đà Nẵng, 2021

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	iii
Phần I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	4
1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo.....	4
1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo	5
1.3. Triết lý giáo dục	5
1.4. Mục tiêu đào tạo	6
1.5. Cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp.....	6
1.6. Điều kiện nhập học, tổ chức đào tạo và điều kiện tốt nghiệp	6
PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	8
2.1. Chuẩn đầu ra và sự tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của CTĐT	8
2.2 Sự tương thích giữa CĐR CTĐT VNH 2021 so với khung năng lực trình độ quốc gia và các CTĐT khác.....	11
PHẦN III: NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC	13
3.1. Cấu trúc chương trình dạy học	13
3.2. Khung chương trình dạy học.....	14
3.2. Kế hoạch tổ chức đào tạo	17
3.3. Phương pháp dạy và học, kiểm tra và đánh giá	20
PHẦN IV: CHUẨN ĐẦU RA VÀ NỘI DUNG CỦA HỌC PHẦN	26
4.1. Chuẩn đầu ra của học phần	26
4.2. Tóm tắt nội dung các học phần	31

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BGD&ĐT	: Bộ Giáo dục và Đào tạo
CDR	: Chuẩn đầu ra
CT	: Chương trình
CTDH	: Chương trình dạy học
CTĐT	: Chương trình đào tạo
ĐH	: Đại học
ĐHĐN	: Đại học Đà Nẵng
ĐHSP	: Đại học Sư phạm
GDĐH	: Giáo dục đại học
GV	: Giảng viên
GVHD	: Giảng viên hướng dẫn
HP	: Học phần
MT	: Mục tiêu
PI	: Chỉ số năng lực (performance indicators)
PLO	: Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo
SV	: Sinh viên
SVTN	: Sinh viên tốt nghiệp
TC	: Tín chỉ
TLTK	: Tài liệu tham khảo

Phần I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo (CTĐT) Việt Nam học (Chuyên ngành văn hóa - du lịch) được ban hành và áp dụng tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng theo Quyết định số 1168/QĐ-ĐHSP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng.

Chương trình được xây dựng trên cơ sở rà soát, điều chỉnh và cải tiến chương trình Việt Nam học ban hành năm 2019.

Quá trình rà soát chương trình được tiến hành một cách đồng bộ và toàn diện. Trên cơ sở đối sánh với khung năng lực trình độ quốc gia và khảo sát ý kiến của sinh viên, cựu sinh viên, giảng viên, nhà quản lý, người sử dụng lao động, mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình từng bước được hoàn thiện đặt cơ sở để tiến hành rà soát hoàn chỉnh khung chương trình, kế hoạch đào tạo của chương trình đào tạo Việt Nam học năm 2021. Việc xem xét xác định các học phần, thời lượng học phần để đưa vào khung chương trình đào tạo và xây dựng kế hoạch giảng dạy được tiến hành một cách cụ thể và từng bước được hoàn thiện. Đặc biệt là sau khi tiến hành đối sánh chương trình đào tạo hiện hành với các chương trình đào tạo của các cơ sở giáo dục khác, của các trường trên thế giới và tham khảo ý kiến đóng góp của các bên liên quan, nhiều học phần mới đã được bổ sung vào chương trình đào tạo, thời lượng các học phần, nội dung giảng dạy các học phần trong chương trình đã được xác định lại nhằm đảm bảo trang bị cho sinh viên những kiến thức, năng lực, phẩm chất cơ bản, đảm bảo đáp ứng được những yêu cầu nguồn nhân lực văn hóa, du lịch của xã hội.

Chương trình đào tạo Việt Nam học được xây dựng và quản lý bởi Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng - Một đơn vị giáo dục có nhiều kinh nghiệm và năng lực trong việc đào tạo sinh viên sư phạm.

Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng, tiền thân là Ban Sử - Địa - Tâm lý Giáo dục được thành lập vào ngày 03/11/1976. Trải qua hơn 45 năm xây dựng và phát triển với nhiều lần tách nhập, thay đổi tên gọi, ngày 07 tháng 01 năm 2005, Giám đốc Đại học Đà Nẵng đã ban hành quyết định thành lập Khoa Lịch sử trên cơ sở tách ra từ Khoa Sử - Địa trực thuộc Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng. Từ đó đến nay Khoa đã đào tạo được hơn 45 khoá Cao đẳng sư phạm, Đại học hệ chính quy và vừa học vừa làm, với trên 2000 sinh viên tốt nghiệp ra trường hiện đang phục vụ trên khắp mọi miền Tổ quốc.

Khoa hiện đang quản lý 5 ngành đào tạo đại học là Sư phạm Lịch sử, Sư phạm Lịch sử và Địa lí, Lịch sử, Việt Nam học và Việt Nam học Chất lượng cao; 2 ngành đào tạo sau đại học trình độ Thạc sĩ là Lịch sử Việt Nam và Việt Nam học.

Để đáp ứng những yêu cầu đổi mới của các ngành đào tạo, đội ngũ cán bộ giảng dạy và cơ

sở vật chất của Khoa ngày càng được chú trọng đầu tư nâng cao. Hiện nay, đội ngũ đào tạo của Khoa Lịch sử là 15 người, trong đó có 01 phó giáo sư, 7 tiến sĩ, 1 nghiên cứu sinh, 6 thạc sĩ. Các giảng viên trong khoa đã có nhiều công trình nghiên cứu khoa học cấp Bộ, cấp trường và các Dự án trọng điểm của Bộ Giáo dục & Đào tạo, cùng với các phó giáo sư - tiến sĩ thuộc chuyên ngành Giáo dục học của Trường Đại học Sư phạm, Khoa Lịch sử đã có một đội ngũ giảng viên cơ hữu có đủ năng lực để xây dựng chương trình, biên soạn giáo trình, bài giảng, hướng dẫn sinh viên, học viên thực hiện đề tài khóa luận tốt nghiệp, Luận văn thạc sĩ.

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

\	Nội dung	Thông tin
1	Tên ngành đào tạo	Việt Nam học (Chuyên ngành Văn hoá - Du lịch)
2	Mã ngành đào tạo	Vietnamese studies (Major Culture and Tourism)
3	Trình độ đào tạo	Đại học
4	Tên văn bằng tốt nghiệp (Tiếng Việt)	Cử nhân Việt Nam học
5	Tên văn bằng tốt nghiệp (Tiếng Anh)	Vietnamese studies
6	Hình thức đào tạo	Chính quy, tập trung
7	Thời gian đào tạo	04 năm (08 học kỳ)
8	Ngôn ngữ sử dụng	Tiếng Việt
9	Đơn vị đào tạo	Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng
10	Đơn vị cấp bằng	Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng
11	Website	https://ued.udn.vn/
12	Cập nhật ngày	31/07/2021

1.3. Triết lý giáo dục

- **Giáo dục toàn diện:** Sản phẩm được đào tạo phải có đầy đủ các yếu tố Đức - Trí - Thể - Mỹ, đáp ứng được yêu cầu phát triển đất nước và hội nhập quốc tế.

- **Khai phóng:** Giáo dục hướng tới xây dựng cho người học một nền tảng kiến thức rộng, cung cấp những kỹ năng cần thiết giúp lĩnh hội và vận dụng vào nhiều lĩnh vực khác nhau, đồng thời có chuyên môn sâu ở một lĩnh vực nhất định.

- **Sáng tạo:** Sáng tạo là đặc tính riêng có của con người, và là yêu cầu cần thiết đối với người làm khoa học. Hình thành tư duy sáng tạo, độc lập là cơ sở để tạo ra những phát kiến, phát minh khoa học trong nghiên cứu và giảng dạy của người giáo viên.

- **Thực nghiệp:** Thực nghiệp có vai trò quan trọng trong đào tạo, học phải đi đôi với hành, những kiến thức được tiếp nhận từ nhà trường phải vận dụng linh hoạt vào quá trình làm việc sau khi tốt nghiệp.

1.4. Mục tiêu đào tạo

1.4.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Việt Nam học có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ và nghiên cứu khoa học để làm việc tại các cơ quan văn hóa, các doanh nghiệp du lịch và dịch vụ; các tổ chức chính trị - xã hội, trung tâm, viện nghiên cứu; giảng dạy tại các cơ sở giáo dục; có khả năng khởi nghiệp, thích ứng với môi trường làm việc thay đổi và học tập suốt đời; có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp.

1.4.2 Mục tiêu cụ thể

- **PO1.** Có kiến thức cơ bản về khoa học chính trị và pháp luật, khoa học xã hội và nhân văn, kiến thức chuyên ngành văn hoá - du lịch để làm việc và học tập suốt đời.
- **PO2.** Có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực văn hóa - du lịch.
- **PO3:** Có kỹ năng mềm, tư duy sáng tạo và thích ứng với môi trường làm việc thay đổi.
- **PO4:** Có đạo đức nghề nghiệp, ý thức phục vụ cộng đồng và tinh thần khởi nghiệp.

1.5. Cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp từ CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử có thể làm các công việc:

- Cán bộ chức năng trong các cơ quan lãnh đạo, quản lý, thực hiện các chức trách công tác đòi hỏi sự hiểu biết có hệ thống, chuyên sâu về lý luận và kỹ năng thuộc lĩnh vực văn hóa du lịch: Tổng cục du lịch, Bộ Văn hóa, Sở Du lịch, Sở Văn hóa và Thể Thao, Phòng Văn hóa, Thể thao và Du lịch...

- Cán bộ nghiên cứu, giảng dạy tại các cơ sở đào tạo và nghiên cứu khoa học về văn hóa - du lịch.

- Nhân viên hoặc cán bộ quản lý, lãnh đạo tại các cơ sở kinh doanh du lịch, dịch vụ: công ty lữ hành, công ty tổ chức sự kiện, cơ sở kinh doanh lưu trú, nhà hàng...

- Nhân viên hoặc cán bộ quản lý, lãnh đạo tại các tổ chức phi chính phủ về các dự án phát triển văn hóa, du lịch.

1.6. Điều kiện nhập học, tổ chức đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

1.6.1. Điều kiện nhập học

Theo điều 6 (Điều kiện tham gia tuyển sinh của thí sinh) của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy của Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành theo Thông tư số 05/2011/ TT-BGDĐT ngày 25/01/2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển và thi tuyển

1.6.2. Tổ chức đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

Chương trình được đào tạo theo học chế tín chỉ với các quy định về tổ chức đào tạo và điều kiện tốt nghiệp tuân theo *Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ*

thông tin chi, ban hành theo Công văn số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xác thực hợp nhất 2 văn bản: Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc *Ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tin chi*; Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 về việc *Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tin chi ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007* của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định bổ sung của Đại học Đà Nẵng và Trường Đại học Sư phạm, bao gồm:

- Chương trình được tổ chức đào tạo trong 4 năm học. Mỗi năm gồm 2 học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi. Ngoài 2 học kỳ chính, nhà trường còn tổ chức thêm một học kỳ phụ để sinh viên có thể học vượt, học lại hoặc cải thiện điểm; mỗi học kỳ phụ có ít nhất 5 tuần thực học và 1 tuần thi.

- Đối với những sinh viên bậc đại học hệ chính quy, để được công nhận tốt nghiệp sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra Tin học theo Quy định chuẩn đầu ra tin học của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng (*ban hành kèm theo Quyết định số 543/QĐ-ĐT ngày 04 tháng 11 năm 2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm*). Thông tin chi tiết được đăng tại <http://daotao.ued.udn.vn/?p=262>.

- Đối với những sinh viên theo học ngoại ngữ Tiếng Anh, để được công nhận tốt nghiệp sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra tương đương cấp độ B1 - Khung tham chiếu về trình độ ngoại ngữ chung châu Âu (Common European Framework of Reference for Languages - CEFR). Thông tin chi tiết về chuẩn đầu ra ngoại ngữ và bảng tham chiếu quy đổi điểm các chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế so với chuẩn B1 châu Âu được đăng tại <http://daotao.ued.udn.vn/?p=119> và <http://daotao.ued.udn.vn/?p=414>. Đối với sinh viên theo học các ngoại ngữ Khác phải đạt trình độ quy đổi tương đương với cấp độ Tiếng Anh trình độ B1.

- Điều kiện để sinh viên tốt nghiệp là:

- + Phải tích lũy tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc.
- + Đạt chuẩn đầu ra Tin học.
- + Đạt chuẩn đầu ra Ngoại ngữ tương đương trình độ Bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Chuẩn đầu ra và sự tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của CTĐT Sư phạm Lịch sử

Dựa vào ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng, mục tiêu đào tạo, CĐR của CTĐT VNH 2021 được xác định rõ ràng, phù hợp và có tính khả thi. SV sau khi hoàn thành CTĐT sẽ đạt được các năng lực tương ứng với 08 CĐR. Các CĐR thể hiện các mức độ cần đạt được khác nhau đối với kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên ngành, kỹ năng thực hành, kỹ năng mềm và thái độ (Bảng 1).

Bảng 1. Ma trận thể hiện sự tương thích giữa MT, CĐR của CTĐT.

PO	PLO	PI
PO 1: Kiến thức cơ bản về khoa học chính trị và pháp luật, khoa học xã hội và nhân văn; kiến thức chuyên ngành văn hoá – du lịch để làm việc và học tập suốt đời	PLO 1: Vận dụng các kiến thức về khoa học chính trị và pháp luật, khoa học xã hội và nhân văn, để phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp.	PI 1.1: Vận dụng được tư tưởng Hồ Chí Minh và các đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước trong hoạt động văn hóa, du lịch. PI 1.2: Vận dụng kiến thức cơ bản thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn vào các hoạt động văn hóa và du lịch. PI 1.3: Đánh giá tác động của các điều kiện chính trị, kinh tế, xã hội đến lĩnh vực văn hoá – du lịch.
	PLO 2: Vận dụng các kiến thức về văn hóa – du lịch để phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp.	PI 2.1: Phân tích được các đặc trưng văn hóa - lịch sử, du lịch - dịch vụ của các vùng, miền, quốc gia, khu vực và châu lục. PI 2.2: Đề xuất ý tưởng và phát triển sản phẩm văn hóa - du lịch.
	PLO 3: Tạo lập được kế hoạch kinh doanh và khởi nghiệp.	PI 3.1: Đánh giá được các nguồn lực và phân tích được thị trường du lịch - dịch vụ. PI 3.2: Tham gia xây dựng kế hoạch kinh doanh và khởi nghiệp.
	PLO 4: Có kỹ năng quản lý doanh nghiệp trong lĩnh vực du lịch và dịch vụ.	PI 4.1: Đánh giá được cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và hoạt động của doanh nghiệp du lịch - dịch vụ. PI 4.2: Lập kế hoạch quản lý và điều hành các hoạt động của doanh nghiệp du lịch - dịch vụ.

PO	PLO	PI
	<p>PLO 5: Thực hiện các quy trình nghiệp vụ trong lĩnh vực văn hóa, du lịch - dịch vụ.</p>	<p>PI 5.1: Thực hiện các quy trình nghiệp vụ bảo tàng, điều tra văn hóa – xã hội. PI 5.2: Thực hiện các quy trình nghiệp vụ lễ hành, hướng dẫn, khách sạn, nhà hàng, tổ chức sự kiện.</p>
	<p>PLO 6: Thực hiện được nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực văn hóa – du lịch.</p>	<p>PI 6.1: Phát hiện được vấn đề cần nghiên cứu. PI 6.2: Xây dựng được đề cương nghiên cứu. PI 6.3: Trình bày được nhiệm vụ nghiên cứu.</p>
<p>PO 2: Có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực văn hóa - du lịch</p>	<p>PLO 1: Vận dụng các kiến thức về khoa học chính trị và pháp luật, khoa học xã hội và nhân văn, để phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp.</p>	<p>PI 1.1: Vận dụng được tư tưởng Hồ Chí Minh và các đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước trong hoạt động văn hóa, du lịch. PI 1.2: Vận dụng kiến thức cơ bản thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn vào các hoạt động văn hóa và du lịch. PI 1.3: Đánh giá tác động của các điều kiện chính trị, kinh tế, xã hội đến lĩnh vực văn hoá – du lịch.</p>
	<p>PLO 2: Vận dụng các kiến thức về văn hóa – du lịch để phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp.</p>	<p>PI 2.1: Phân tích được các đặc trưng văn hóa - lịch sử, du lịch - dịch vụ của các vùng, miền, quốc gia, khu vực và châu lục. PI 2.2: Đề xuất ý tưởng và phát triển sản phẩm văn hóa - du lịch.</p>
	<p>PLO 3: Tạo lập được kế hoạch kinh doanh và khởi nghiệp.</p>	<p>PI 3.1: Đánh giá được các nguồn lực và phân tích được thị trường du lịch - dịch vụ. PI 3.2: Tham gia xây dựng kế hoạch kinh doanh và khởi nghiệp.</p>
	<p>PLO 4: Có kỹ năng quản lý doanh nghiệp trong lĩnh vực du lịch và dịch vụ.</p>	<p>PI 4.1: Đánh giá được cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và hoạt động của doanh nghiệp du lịch - dịch vụ. PI 4.2: Lập kế hoạch quản lý và điều hành các hoạt động của doanh nghiệp du lịch - dịch vụ.</p>

PO	PLO	PI
	<p>PLO 5: Thực hiện các quy trình nghiệp vụ trong lĩnh vực văn hóa, du lịch - dịch vụ.</p>	<p>PI 5.1: Thực hiện các quy trình nghiệp vụ bảo tàng, điều tra văn hóa – xã hội. PI 5.2: Thực hiện các quy trình nghiệp vụ lễ hành, hướng dẫn, khách sạn, nhà hàng, tổ chức sự kiện.</p>
	<p>PLO 6: Thực hiện được nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực văn hóa – du lịch.</p>	<p>PI 6.1: Phát hiện được vấn đề cần nghiên cứu. PI 6.2: Xây dựng được đề cương nghiên cứu. PI 6.3: Trình bày được nhiệm vụ nghiên cứu.</p>
	<p>PLO 7: Ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động nghề nghiệp.</p>	<p>PI 7.1: Vận dụng thành thạo kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản đạt chuẩn theo qui định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT trong hoạt động chuyên môn. PI 7.2: Ứng dụng các phần mềm chuyên ngành trong lĩnh vực văn hóa – du lịch. PI 7.3: Sử dụng ngoại ngữ hiệu quả đạt năng lực bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam trong các hoạt động chuyên môn. PI.7.4: Sử dụng ngoại ngữ chuyên ngành trong lĩnh vực văn hóa – du lịch.</p>
<p>PO 3: Có kỹ năng mềm, tư duy sáng tạo và thích ứng với môi trường làm việc thay đổi.</p>	<p>PLO 8: Phát triển kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm</p>	<p>PI 8.1: Sử dụng linh hoạt các phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ trong thuyết trình, trình bày báo cáo. PI 8.2: Tham gia xây dựng, tổ chức hoạt động nhóm. PI 8.3: Hợp tác và đánh giá hiệu quả hoạt động nhóm.</p>
	<p>PLO 9: Thể hiện tư duy phản biện, sáng tạo và năng lực giải quyết vấn đề phức tạp.</p>	<p>PI9.1: Phát hiện vấn đề, đưa ra các lập luận logic, thuyết phục. PI9.2: Đề xuất được các ý tưởng mới để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn. PI9.3: Giải quyết được các vấn đề có tính đa diện, đòi hỏi sự phối hợp liên ngành.</p>
<p>PO 4: Có đạo đức nghề nghiệp, ý thức phục vụ</p>	<p>PLO 3: Tạo lập được kế hoạch kinh doanh và khởi nghiệp.</p>	<p>PI 3.1: Đánh giá được các nguồn lực và phân tích được thị trường du lịch - dịch vụ. PI 3.2: Tham gia xây dựng kế hoạch kinh doanh</p>

PO	PLO	PI
cộng đồng và tinh thần khởi nghiệp.		và khởi nghiệp.
	PLO 10: Thực hiện hành vi ứng xử phù hợp với phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp; tham gia phục vụ cộng đồng.	PI 10.1: Thể hiện tác phong làm việc chuyên nghiệp, tinh thần trách nhiệm. PI 10.2: Tôn trọng sự khác biệt, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. PI 10.3: Tham gia các hoạt động tình nguyện phục vụ cộng đồng.

Nhìn chung, CĐR CTĐT VNH 2021 thể hiện được tất cả các năng lực mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. Căn cứ vào CĐR, nội dung các HP trong CTĐT được thiết kế gắn liền với mục đích đạt được CĐR của người học. Trong đó, người học sẽ đạt được các CĐR gắn liền với kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành thông qua khối kiến thức chung, cơ sở ngành và chuyên ngành. Các CĐR về kỹ năng, năng lực chuyên môn sẽ đạt được thông qua các hoạt động dạy và học ở các HP lý thuyết cũng như các học phần thực hành, thực tập, chuyên luận hoặc khóa luận tốt nghiệp. Người học tự chủ động hình thành năng lực ngoại ngữ và Tin học đáp ứng CĐR của Nhà trường. Ngoài ra, người học còn có thể đạt được các CĐR thông qua các hoạt động seminar, nghiên cứu khoa học, các hoạt động Đoàn - Thanh niên, hoạt động xã hội được tổ chức thường xuyên ở cấp Khoa và Trường.

2.2. Sự tương thích giữa CĐR CTĐT VNH 2021 so với khung năng lực trình độ quốc gia và các CTĐT VNH khác

CĐR CTĐT VNH 2021 thể hiện sự phù hợp với Khung năng lực trình độ quốc gia bậc Đại học ban hành trong Quyết định số 1982/QĐ-TTg vào ngày 18/10/2016 (Bảng 2; Bảng 3); trong đó, sự tương thích chặt chẽ được thể hiện ở các chuẩn đầu ra về kỹ năng nghề nghiệp và các kỹ năng cơ bản cần thiết cho việc phát triển bản thân. Bên cạnh đó CĐR CTĐT VNH 2021 cũng thể hiện sự tương thích với các CTĐT VNH của các cơ sở giáo dục đại học trong nước, ví dụ: ngành/chuyên ngành Sư phạm Lịch sử Trường ĐHSP -Đại học Huế.

Bảng 2. Ma trận đối sánh CĐR của CTĐT với Khung trình độ quốc gia bậc Đại học ban hành theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg vào ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

KTĐ Quốc gia	Kiến thức					Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm				
	CTĐ	KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TCTN1	TCTN2	TCTN3	TCTN4
PLO 1		X								X		X		X		
PLO 2	X			X				X		X		X		X		
PLO 3	X	X		X		X	X	X		X		X		X		
PLO 4	X			X	X	X		X	X	X		X	X	X	X	X
PLO 5	X			X		X		X	X	X		X		X		
PLO 6	X			X	X	X		X	X			X		X		
PLO 7			X								X					
PLO 8				X					X	X	X	X	X	X	X	X
PLO 9						X		X							X	
PLO 10		X							X	X		X				

Bảng 3. Mô tả khung trình độ quốc gia Việt Nam ban hành theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg vào ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ

Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
<p>KT1: Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.</p> <p>KT2: Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.</p> <p>KT3: Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.</p> <p>KT4: Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.</p> <p>KT5: Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.</p>	<p>KN1: Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.</p> <p>KN2: Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.</p> <p>KN3: Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.</p> <p>KN4: Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.</p> <p>KN5: Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyên tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.</p> <p>KN6: Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.</p>	<p>TCTN1: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.</p> <p>TCTN2: Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.</p> <p>TCTN3: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.</p> <p>TCTN4: Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.</p>

PHẦN III: NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

3.1. Cấu trúc chương trình dạy học

Cấu trúc của CTDH bao gồm 153 TC của 59 HP (tính cả các HP Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng) được chia thành 02 khối kiến thức chính: khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (bao gồm kiến thức Cơ sở và ngành và kiến thức Chuyên ngành và khối kiến thức Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp). Trong đó:

- Khối kiến thức Giáo dục đại cương bao gồm 15 TC của 12 HP bắt buộc (tính cả các HP Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng) với các nội dung về tin học đại cương, pháp luật, chính trị, rèn luyện thể chất và an ninh quốc phòng. Khối kiến thức này hình thành một số kỹ năng cần thiết, cũng như ý thức và trách nhiệm đối với bản thân và xã hội, đáp ứng các năng lực của PLO1, PLO10 (Bảng 1; Bảng 4).

- Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp 138 TC bao gồm 81,5 TC lý thuyết và 56,5 TC thực hành. Trong đó:

+ Khối kiến thức Cơ sở ngành bao gồm 25 TC của 9 HP bắt buộc (trong đó có 18 TC lý thuyết + 7 TC thực hành) với các kiến thức đại cương về văn hoá, nhân học, khảo cổ, địa lí và du lịch. Ngoài ra, khối kiến thức cơ sở ngành còn cung cấp cái nhìn tổng quan về ngành VNH và phát triển một số kỹ năng của người học nhằm đáp ứng một số năng lực quan trọng trong các CDR: PLO1, PLO2, PLO3 (Bảng 1; Bảng 4).

+ Khối kiến thức Chuyên ngành bao gồm 98 TC của 38 HP được chia thành: 14 HP bắt buộc với 70 TC (42,5 TC lý thuyết + 27,5 TC thực hành) và 11 HP tự chọn hoặc tự chọn bắt buộc với 28 TC (21 TC lý thuyết + 7 TC thực hành). Nội dung của khối kiến thức này cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản và chuyên sâu liên quan chuyên ngành VNH; từ đó hình thành cho người học các năng lực chuyên môn đáp ứng các PLO2, PLO3, PLO4, PLO5, PLO6 và PLO7, PLO8, PLO9 (Bảng 1; Bảng 4).

+ Khối kiến thức Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp bao gồm 15 TC của 4 HP được chia thành: 1 HP bắt buộc với 3 TC (0 TC lý thuyết + 3 TC thực hành) và 3 HP tự chọn bắt buộc với 12 TC (0 TC lý thuyết + 12 TC thực hành). Nội dung của khối kiến thức này tạo điều kiện cho SV được vận dụng những kiến thức đã học để thực hành trong những môi trường nghề nghiệp khác nhau và củng cố phần lớn các năng lực cần thiết, phát triển chuyên sâu về kiến thức và kỹ năng nghiên cứu thông qua việc học tập học phần Khóa luận tốt nghiệp hoặc luận tốt nghiệp (Bảng 4).

Bảng 4. Cấu trúc phân bố các khối kiến thức trong CTDH.

Stt	Khối kiến thức	Số TC bắt buộc		Số TC tự chọn/ Tự chọn bắt buộc		Tổng số tín chỉ
		Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành	
1	Kiến Giáo dục đại cương*	11	4	0	0	15
2	Kiến Giáo dục chuyên nghiệp*	60,5	37,5	21	19	138
2.1	Kiến thức Cơ sở và ngành	18	7	0	0	25
2.2	Kiến thức Chuyên ngành	42,5	27,5	21	7	98
2.3	Kiến thức Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp	0	3	0	12	15
Tổng số TC (Mục 1 + Mục 2)		113		40		153

Ghi chú: * Không tính các HP Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng.

** Tổng số tín chỉ của Đồ án tốt nghiệp (0 TC) và Khóa luận tốt nghiệp (6 TC).

3.2. Khung chương trình dạy học

Khung CTDH được thể hiện dưới dạng cấu trúc bảng với các thông tin quan trọng của các HP được thiết kế cho mỗi khối kiến thức và dựa vào CDR CTĐT. Các thông tin HP bao gồm: Tên HP, Mã HP, Số TC, Loại HP (lý thuyết hoặc thực hành) nhằm phục vụ cho việc tổ chức thực hiện và quản lý quá trình đào tạo (Bảng 5).

Bảng 5. Khung chương trình dạy học của CTĐT VNH 2021

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
			TC	LT	TH			
					L1	L2		
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			15	11	4	0		
1	21231902	Triết học Mác – Lênin	3	2	1	0		
2	21321901	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	1,5	0,5	0	21231902	
3	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1,5	0,5	0	21321901	
4	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	1,5	0,5	0	21221903	
5	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1,5	0,5	0	21221904	
6	31221885	Tin học đại cương	2	1	0	1		
7	31621549	Pháp luật đại cương	2	1,5	0,5	0		
		<i>Học phần Tự chọn</i>				0		
	00101265	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	(1)	0		
	00101266	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)	(1)	0		

	00101267	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(1)	0		
	00101268	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)	(1)	0		
	00201264	Giáo dục quốc phòng	(4t)			0		
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			138	81,5	56,5	0		
		Kiến thức Cơ sở ngành	25	18	7	0		
8	31831005	Cộng đồng các dân tộc Việt Nam	3	2	1	0		
9	31831010	Lịch sử thế giới đại cương	3	2	1	0		
10	31821421	Lịch sử văn minh thế giới	2	2	0	0		
11	31831424	Lịch sử Việt Nam đại cương	3	2	1	0		
12	31921051	Địa lý Việt Nam	2	2	0	0		
13	31731075	Nhập môn văn hóa Việt Nam	3	2,5	0,5	0		
14	31831011	Nhập môn khoa học du lịch	3	2	1	0		
15	31831115	Kinh tế du lịch	3	2	1	0		
16	31831014	Tuyển điểm du lịch	3	1,5	1,5	0	31831011	
		Kiến thức Chuyên ngành	98	63,5	34,5	0		
17	31821015	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Việt Nam học	2	1	1	0		
18	31831945	Văn hóa Đông Nam Á	3	2	1	0	31821421	
19	31821016	Sự du nhập và tiếp biến văn hóa Đông - Tây ở Việt Nam	2	2	0	0		
20	31821017	Quản lý Nhà nước về văn hoá, du lịch	2	1,5	0,5	0	31731075, 31831011	
21	31831121	Tín ngưỡng và các tôn giáo ở Việt Nam	3	2,5	0,5	0	31831424	
22	31821095	Văn hóa làng xã Việt Nam	2	1,5	0,5	0	31831424, 31731075	
23	31831018	Văn hoá Chăm	3	2	1	0		
24	31821019	Văn hóa du lịch	2	1,5	0,5	0	31731075	
25	31821898	Tổ chức sự kiện	2	1,5	0,5	0		
26	31841128	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	4	1,5	2,5	0	31831011, 31831014	
27	31721023	Bảo tàng học	2	1,5	0,5	0		
28	31831939	Văn hoá ẩm thực Việt Nam	3	2	1	0		
29	31841020	Nghiệp vụ nhà hàng - khách sạn	4	2	2	0	31831021	
30	31831021	Quản trị nhà hàng - khách sạn	3	2	1	0	31831366	
31	31831118	Quản trị kinh doanh lễ hành	3	2	1	0	31831022	
32	32021005	Tâm lý khách du lịch	2	1	1	0		

33	31821093	Ứng dụng Công nghệ thông tin trong du lịch	2	1,5	0,5	0	31221885	
34	31831022	Nghiệp vụ điều hành chương trình du lịch	3	1,5	1,5	0	31831014	
35	31821096	Văn hóa vùng và tiểu vùng ở Việt Nam	2	2	0	0	31731075	
36	31831457	Marketing du lịch	3	2	1	0		
37	31821676	Thực tế chuyên môn 1	2	0	2	0	31731075, 31831011	
38	31821850	Thực tế chuyên môn 2	2	0	2	0	31821676	
39	31821094	Kiến tập	2	0	2	0		
40	31831864	Tiếng Anh chuyên ngành 1	3	2	1	0		
41	31831865	Tiếng Anh chuyên ngành 2	3	2	1	0	31831864	
42	31831023	Các loại hình nghệ thuật Việt Nam	3	2	1	0		
43	31831024	Phát triển kỹ năng mềm	3	2	1	0		
		Học phần Tự chọn	28	21	7	0		
44	31831768	<i>Thống kê ứng dụng trong du lịch</i>	3	2	1	0		
45	31831007	<i>Các loại hình du lịch</i>	3	2	1	0	31921051, 31831011	
46	31721077	<i>Lịch sử văn học Việt Nam</i>	2	2	0	0		
47	31931018	<i>Địa danh học và địa danh Việt Nam</i>	3	3	0	0		
48	31831941	<i>Văn hóa biển đảo ở Việt Nam</i>	3	2	1	0	31921051, 31731075	
49	31721653	<i>Quản lý văn hóa đô thị</i>	2	1,5	0,5	0		
50	31821749	<i>Thị trường du lịch</i>	2	1,5	0,5	0	31831366	
51	31821025	<i>Quản trị nhân sự du lịch</i>	2	1	1	0	31831011	
52	31821551	<i>Phát triển du lịch bền vững</i>	2	1,5	0,5	0	31831007	
53	31721019	<i>Giao tiếp và tạo lập văn bản tiếng Việt</i>	2	1,5	0,5	0		
54	31821708	<i>Tài Nguyên du lịch</i>	2	2	0	0		
55	31821111	<i>Quy hoạch du lịch</i>	2	1	1	0		
		Kiến thức Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp	15	0	15	0		
56	31831105	Thực tập tốt nghiệp	3	0	3	0		
		Học phần tự chọn bắt buộc (phải chọn 6/12 tín chỉ)	12	0	12	0		
57	31861106	<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>	6	0	6	0		
58	31831026	<i>Chuyên luận tốt nghiệp 1 (văn hóa)</i>	3	0	3	0		
59	31831027	<i>Chuyên luận tốt nghiệp 2 (du lịch)</i>	3	0	3	0		
TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO			153	92	60	0		
Tổng số tín chỉ bắt buộc			113					

Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu	17					
Lưu ý: - Phải tích lũy tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc (không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng và tổng tín chỉ tích lũy toàn khóa học). - Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu *.						

Điều kiện tốt nghiệp:

Phải tích lũy tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc.

Đạt chuẩn đầu ra Tin học.

Đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ.

3.2. Kế hoạch tổ chức đào tạo

CTDH được tổ chức thực hiện theo các quy định liên quan đến tổ chức đào tạo hiện hành được áp dụng tại Trường ĐHSP – ĐHĐN: Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ- BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy định đào tạo trình độ đại học, chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số 1473/QĐ-ĐHSP của Hiệu trưởng Trường ĐHSP- ĐHĐN, và các quy định khác của ĐHĐN. CTDH được tổ chức đào tạo trong 04 năm tương ứng với 08 học kỳ (Bảng 6). Việc bố trí các HP vào các học kỳ được thực hiện theo nguyên tắc “Phát triển các kiến thức và kỹ năng của người học theo thời gian” (Hình 1; Hình 2) và đảm bảo “Phân phối thời lượng nội dung học lý ở từng học kỳ”.

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú	
			TC	LT	TH				
					L1	L2			
1	31831011	Nhập môn Khoa học du lịch	3	2	1	0			
	31731075	Nhập môn văn hóa Việt Nam	3	2,5	0,5	0			
	31831010	Lịch sử thế giới đại cương	3	2	1	0			
	31831424	Lịch sử Việt Nam đại cương	3	2	1	0			
	31831939	Văn hoá ẩm thực Việt Nam	3	2	1	0			
	31921051	Địa lý Việt Nam	2	2	0	0			
		<i>Học phần Tự chọn</i>							
	00101265	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	(1)	0			
		Tổng tín chỉ trong học kỳ		18	12,5	5,5	0		
2	21231902	Triết học Mác – Lênin	3	2	1	0			
	31221885	Tin học đại cương	2	1	0	1			
	31831005	Cộng đồng các dân tộc Việt Nam	3	2	1	0			
	31821421	Lịch sử văn minh thế giới	2	2	0	0			
	31831115	Kinh tế du lịch	3	2	1	0			

	31831014	Tuyển điểm du lịch	3	1,5	1,5	0	31831011		
		Học phần Tự chọn	6	4	2	0			
	00101266	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)	(1)	0			
	00201264	Giáo dục quốc phòng	(4t)			0			
	31831007	<i>Các loại hình du lịch</i>	3	2	1	0	31921051, 31831011		
	31831941	<i>Văn hóa biển đảo ở Việt Nam</i>	3	2	1	0	31921051, 31731075		
		Tổng tín chỉ trong học kỳ	22	14,5	6,5	1			
3	21321901	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	1,5	0,5	0	21231902		
	31621549	Pháp luật đại cương	2	1,5	0,5	0			
	32021005	Tâm lý khách du lịch	2	1	1	0			
	31821015	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Việt Nam học	2	1	1	0			
	31831021	Quản trị nhà hàng - khách sạn	3	2	1	0	31831366		
	31831018	Văn hoá Chăm	3	2	1	0			
			Học phần Tự chọn	4	2	2	0		
	00101267	<i>Giáo dục thể chất 3</i>	(1)	(0)	(1)	0			
	31821111	<i>Quy hoạch du lịch</i>	2	1	1	0			
	31821025	<i>Quản trị nhân sự du lịch</i>	2	1	1	0	31831011		
			Tổng tín chỉ trong học kỳ	18	11	7	0		
4	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1,5	0,5	0	21321901		
	31841128	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	4	1,5	2,5	0	31831011, 31831014		
	31831864	Tiếng Anh chuyên ngành 1	3	2	1	0			
	31821676	Thực tế chuyên môn 1	2	0	2	0	31731075, 31831011		
	31821093	Ứng dụng Công nghệ thông tin trong du lịch	2	1,5	0,5	0	31221885		
	31831024	Phát triển kỹ năng mềm	3	2	1	0			
	31831945	Văn hóa Đông Nam Á	3	2	1	0	31821421		
			Học phần Tự chọn	4	3	1	0		
	00101268	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)	(1)	0			
	31721653	<i>Quản lý văn hóa đô thị</i>	2	1,5	0,5	0			
	31821551	<i>Phát triển du lịch bền vững</i>	2	1,5	0,5	0	31831007		
		Tổng tín chỉ trong học kỳ	23	13,5	9,5	0			
5	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	1,5	0,5	0	21221903		
	31831457	Marketing du lịch	3	2	1	0			

	31821095	Văn hóa làng xã Việt Nam	2	1,5	0,5	0	31831424, 31731075		
	31821094	Kiến tập	2	0	2	0			
	31841020	Nghiệp vụ nhà hàng - khách sạn	4	2	2	0	31831021		
	31831865	Tiếng Anh chuyên ngành 2	3	2	1	0	31831864		
	31831022	Nghiệp vụ điều hành chương trình du lịch	3	1,5	1,5	0	31831014		
		Học phần Tự chọn	4	3,5	0,5	0			
	31821708	<i>Tài Nguyên du lịch</i>	2	2	0	0			
	31821749	<i>Thị trường du lịch</i>	2	1,5	0,5	0	31831366		
		Tổng tín chỉ trong học kỳ	23	14	9	0			
6	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1,5	0,5	0	21221904		
	31831121	Tín ngưỡng và các tôn giáo ở Việt Nam	3	2,5	0,5	0	31831424		
	31721023	Bảo tàng học	2	1,5	0,5	0			
	31831118	Quản trị kinh doanh lữ hành	3	2	1	0	31831022		
	31821096	Văn hóa vùng và tiểu vùng ở Việt Nam	2	2	0	0	31731075		
	31821850	Thực tế chuyên môn 2	2	0	2	0	31821676		
			Học phần Tự chọn	5	3,5	1,5	0		
	31831768	<i>Thống kê ứng dụng trong du lịch</i>	3	2	1	0			
	31721019	<i>Giao tiếp và tạo lập văn bản tiếng Việt</i>	2	1,5	0,5	0			
			Tổng tín chỉ trong học kỳ	19	13	6	0		
7	31821016	Sự du nhập và tiếp biến văn hóa Đông - Tây ở Việt Nam	2	2	0	0			
	31821898	Tổ chức sự kiện	2	1,5	0,5	0			
	31821019	Văn hóa du lịch	2	1,5	0,5	0	31731075		
	31831023	Các loại hình nghệ thuật Việt Nam	3	2	1	0			
	31821017	Quản lý Nhà nước về văn hoá, du lịch	2	1,5	0,5	0	31731075, 31831011		
			Học phần tự chọn	5	5	0	0		
	31931018	<i>Địa danh học và địa danh Việt Nam</i>	3	3	0	0			
	31721077	<i>Lịch sử văn học Việt Nam</i>	2	2	0	0			
			Tổng tín chỉ trong học kỳ	16	13,5	2,5	0		
8	31831105	Thực tập tốt nghiệp	3	0	3	0			
		Học phần tự chọn bắt buộc (phải chọn 6/12 tín chỉ)	12	0	12	0			
	31861106	<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>	6	0	6	0			
	31831026	<i>Chuyên luận tốt nghiệp 1 (văn hóa)</i>	3	0	3	0			

31831027	<i>Chuyên luận tốt nghiệp 2 (du lịch)</i>	3	0	3	0		
	Tổng tín chỉ trong học kỳ	15	0	15	0		

Lưu

ý:

- Phải tích lũy tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc (không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng vào tổng tín chỉ tích lũy toàn khóa học).
- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu *.

Điều kiện tốt nghiệp:

Phải tích lũy tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc.

Đạt chuẩn đầu ra Tin học.

Đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ.

3.3. Phương pháp dạy và học, kiểm tra và đánh giá

3.3.1. Quy trình đào tạo

Chương trình được đào tạo theo học chế tín chỉ với các quy định về tổ chức đào tạo và điều kiện tốt nghiệp tuân theo *Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ*, ban hành theo Công văn số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xác thực hợp nhất 2 văn bản: Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc *Ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ*; Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 về việc *Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007* của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định bổ sung của Đại học Đà Nẵng và Trường Đại học Sư phạm, bao gồm:

- Chương trình được tổ chức đào tạo trong 4 năm học. Mỗi năm gồm 2 học kỳ chính (từ giữa tháng Tám đến cuối tháng Sáu), mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi. Ngoài 2 học kỳ chính, nhà trường còn tổ chức thêm một học kỳ phụ - học kỳ hè (từ đầu tháng Bảy đến giữa tháng Tám để sinh viên có thể học vượt, học lại hoặc cải thiện điểm; mỗi học kỳ phụ có ít nhất 5 tuần thực học và 1 tuần thi. Theo lộ trình được thiết kế, sinh viên được học các học phần thuộc khối kiến thức cơ bản và cơ sở ngành từ học kỳ 1 đến học kỳ 3, các kiến thức chuyên ngành được học từ học kỳ 1 đến học kỳ 8.

Sinh viên phải hoàn thành tất cả các học phần bắt buộc cũng như số học phần tự chọn theo yêu cầu của chương trình đào tạo, tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu là 130TC với điểm trung bình tốt nghiệp theo hệ 4 là ≥ 2.0 .

3.3.2. Cách thức và công cụ đánh giá

3.3.2.1.1. Đánh giá kết quả học tập

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ hoặc sau từng năm học, dựa trên kết quả các học phần nằm trong yêu cầu của chương trình đào tạo mà sinh viên đã học và có điểm theo các tiêu chí sau đây:

+ Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên không đạt trong một học kỳ, trong một năm học, hoặc nợ đọng từ đầu khoá học;

+ Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên đã đạt từ đầu khoá học (số tín chỉ tích lũy), tính cả các học phần được miễn học, được công nhận tín chỉ;

+ Điểm trung bình của những học phần mà sinh viên đã học trong một học kỳ (điểm trung bình học kỳ), trong một năm học (điểm trung bình năm học) hoặc tính từ đầu khoá học (điểm trung bình tích lũy), tính theo điểm chính thức của học phần và trọng số là số tín chỉ của học phần đó.

- Để tính điểm trung bình, điểm chữ của học phần được quy đổi về điểm số như dưới đây, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này. Điểm chữ nhiều mức hơn do cơ sở đào tạo quy định (nếu có) cũng được quy đổi sang điểm số tương ứng theo thang từ 0 tới 4.

+ A quy đổi thành 4;

+ B quy đổi thành 3;

+ C quy đổi thành 2;

+ D quy đổi thành 1;

+ F quy đổi thành 0.

- Những điểm chữ không được quy định tại tính điểm trung bình, điểm chữ của học phần thì không được tính vào các điểm trung bình học kỳ, năm học hoặc tích lũy. Những học phần không nằm trong yêu cầu của chương trình đào tạo không được tính vào các tiêu chí đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

- Cơ sở đào tạo đang đào tạo theo niên chế và sử dụng thang điểm 10 thì tính các điểm trung bình dựa trên điểm học phần theo thang điểm 10, không quy đổi các điểm chữ về thang điểm 4.

-. Sinh viên được xếp loại học lực theo điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình năm học hoặc điểm trung bình tích lũy như sau:

STT	Xếp loại	Theo thang điểm 4	Theo thang điểm 10
1	Xuất sắc	Từ 3,6 đến 4,0	Từ 9,0 đến 10,0
2	Giỏi	Từ 3,2 đến cận 3,6	Từ 8,0 đến cận 9,0
3	Khá	Từ 2,5 đến cận 3,2	Từ 7,0 đến cận 8,0
4	Trung bình	Từ 2,0 đến cận 2,5	Từ 5,0 đến cận 7,0
5	Yếu	Từ 1,0 đến cận 2,0	Từ 4,0 đến cận 5,0
6	Kém	Dưới 1,0	Dưới 4,0

- Sinh viên được xếp trình độ năm học căn cứ số tín chỉ tích lũy được từ đầu khóa học (gọi tắt là N) và số tín chỉ trung bình một năm học theo kế hoạch học tập chuẩn (gọi tắt là M), cụ thể như sau:

- + Trình độ năm thứ nhất: $N < M$;
- + Trình độ năm thứ hai: $M \leq N < 2M$;
- + Trình độ năm thứ ba: $2M \leq N < 3M$;
- + Trình độ năm thứ tư: $3M \leq N < 4M$;
- + Trình độ năm thứ năm: $4M \leq N < 5M$.

3.3.2.2. Đánh giá học phần

Hoạt động đánh giá của chương trình đào tạo ngành Việt Nam học CLC thực hiện theo quy định do Trường ban hành và *Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ*, ban hành theo Công văn số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xác thực hợp nhất 2 văn bản: Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đối với mỗi học phần, sinh viên được đánh giá qua tối thiểu hai điểm thành phần. Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10. Việc đánh giá khóa luận, thực tập, tốt nghiệp được thực hiện theo quy trình của nhà trường

Phương pháp đánh giá, hình thức đánh giá và trọng số của mỗi điểm thành phần được quy định trong đề cương chi tiết của mỗi học phần.

Hình thức đánh giá trực tuyến được áp dụng khi đảm bảo trung thực, công bằng và khách quan như đánh giá trực tiếp, đồng thời đóng góp không quá 50% trọng số điểm học phần; riêng việc tổ chức bảo vệ và đánh giá đề án, khóa luận được thực hiện trực tuyến với trọng số cao hơn khi đáp ứng thêm các điều kiện sau đây:

- Việc đánh giá được thực hiện thông qua một hội đồng chuyên môn gồm ít nhất 3 thành viên;
- Hình thức bảo vệ và đánh giá trực tuyến được sự đồng thuận của các thành viên hội đồng và người học;
- Diễn biến của buổi bảo vệ trực tuyến được ghi hình, ghi âm đầy đủ và lưu trữ.

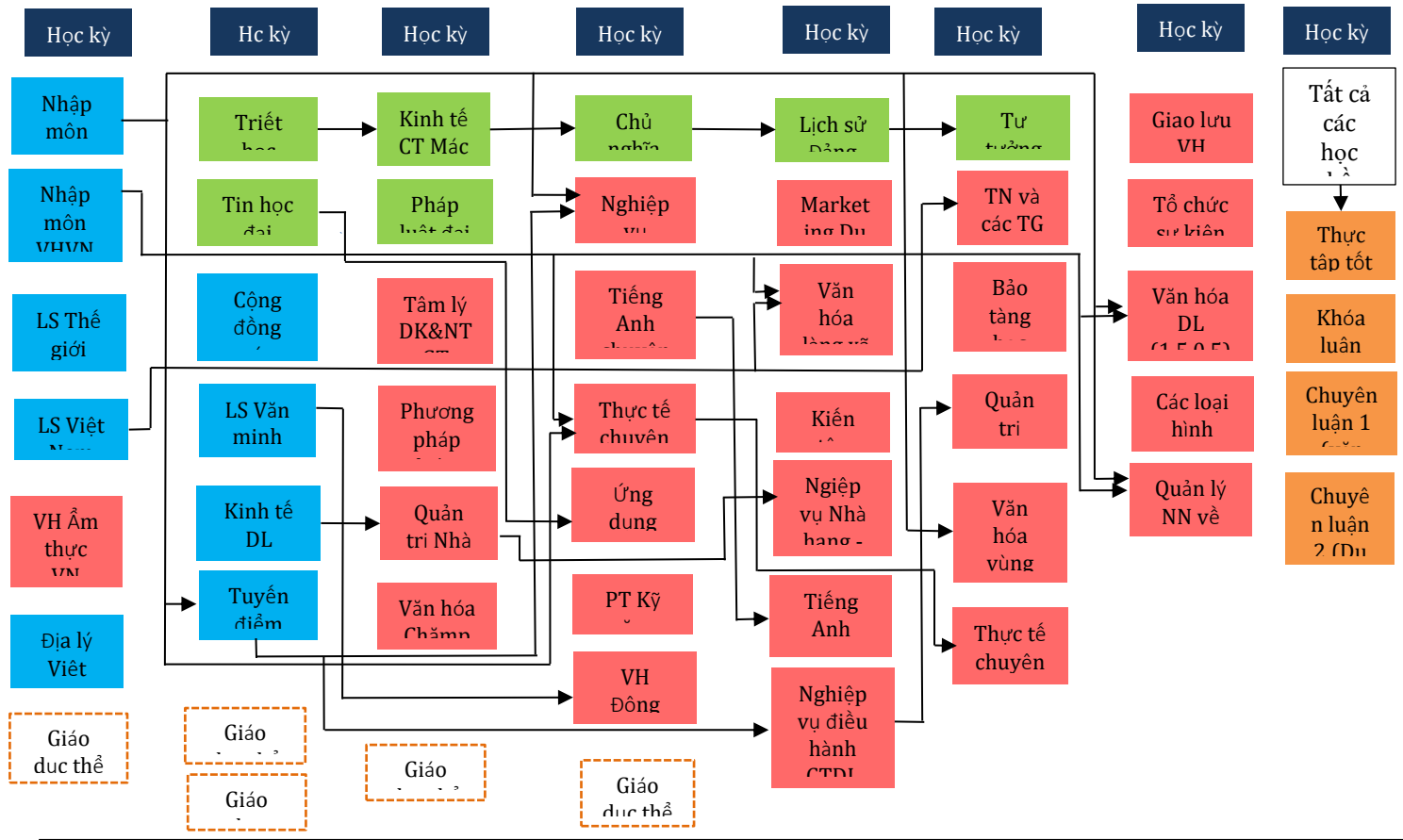
Sinh viên vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được dự thi, đánh giá ở một đợt khác và được tính điểm lần đầu.

3.3.3. Phương pháp đánh giá học phần

Trong quá trình triển khai đánh giá giảng viên có thể sử dụng các phương pháp sau để thu thập thông tin và đánh giá đúng mức độ đạt được của sinh viên như :Đánh giá thông qua

quan sát; Đánh giá thông qua sản phẩm nhóm; Đánh giá thông qua câu hỏi, bài tập; Đánh giá đồng đẳng

Chương trình đào tạo ngành Việt Nam học

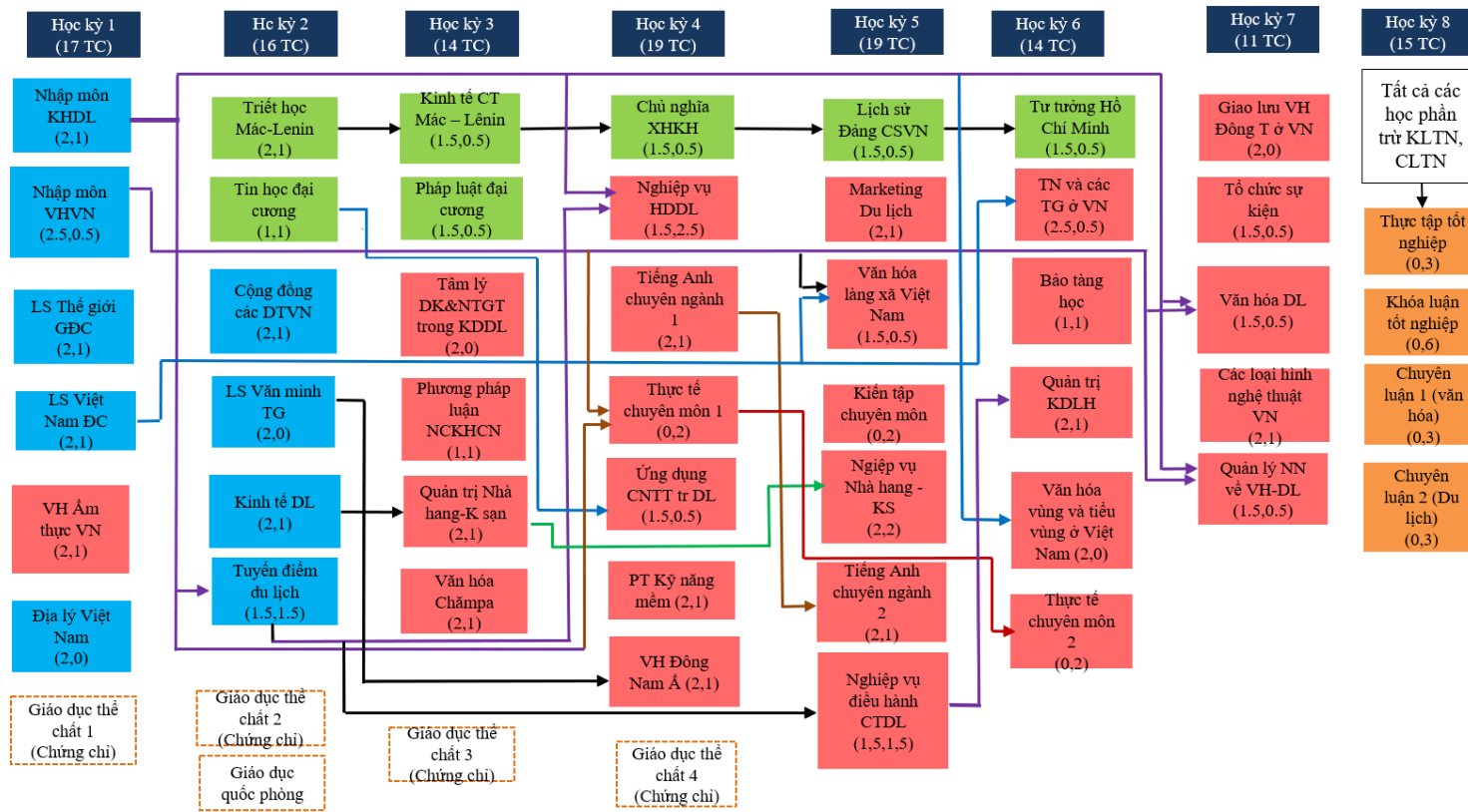


Chú



Hình 1. Lộ trình giảng dạy và phát triển kiến thức trong chương trình dạy học

Chương trình đào tạo ngành Việt Nam học



Chú thích:

Giáo dục đại cương	Chuyên ngành	Thực tập, KLTN	→ Kỹ năng nghề	→ Kỹ năng tư duy phân biện
Cơ sở ngành	Không tín chỉ Tên học phần (LT, TH/TN)	✦ Giao nhau ✚ Không giao nhau	→ Kỹ năng thích ứng	→ Kỹ năng giao tiếp khoa học
			→ Kỹ năng tự học	→ Kỹ năng làm việc nhóm

Hình 2. Lộ trình giảng dạy và phát triển kỹ năng trong chương trình dạy học

PHẦN IV: CHUẨN ĐẦU RA VÀ NỘI DUNG CỦA HỌC PHẦN

4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

Cấu trúc nội dung CTDH VNH 2021 bao gồm 59 HP, cả tự chọn lẫn bắt buộc. Các HP này là những yếu tố cơ bản đóng góp vào việc hình thành và phát triển các năng lực của người học đã được mô tả trong các PLO. Do đó, các năng lực mà người học cần đạt được ở mỗi HP cũng được xây dựng thành các CLO tương ứng. Các CLO được xây dựng trong CTDH VNH 2021 có các đặc trưng sau:

- Các năng lực được mô tả trong các CLO đều có khả năng đo lường được;
- Mức độ năng lực mô tả trong các CLO tương ứng với mức độ mô tả trong PLO;
- Nội dung của mỗi CLO đóng góp đến việc hình thành các PI từ 1-4 mức độ: I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu ; R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...; M (Mastery) – CLO hỗ trợ mạnh mẽ người học trong việc thuần thục/thành thạo hay đạt được PLO/PI. Nếu người học hoàn thành tốt CLO này thì xem như người học đã ở mức thuần thục/thành thạo một nội hàm quan trọng (PI) của PLO hoặc thâm chí thuần thục/thành thạo toàn bộ PLO đó; A (Assessed) – CLO quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập dữ liệu để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO.

Sự liên kết giữa các HP và mức độ đóng góp của các HP đối với các PLO của CTĐT được thể hiện thành ma trận ở Bảng 23.

19		Pháp luật đại cương	M, A																					I	R				
20		Tâm lý khách du lịch		R			I						I						M, A					R				I	
21		Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Việt Nam học								R		M, A	M, A	M, A															
22		Quản trị nhà hàng - khách sạn						I	M, A	M, A					I														
23		Văn hoá Chăm		M																				R					
24		<i>Giáo dục thể chất 3</i>																											
25		<i>Quy hoạch du lịch</i>		.I		.R	.R												.R	.R				.R					
26		<i>Quản trị nhân sự du lịch</i>				.R		.R		.R	.M		.M			.R			.R	.M						.M			
28		Chủ nghĩa xã hội khoa học	M																						I			M, A	
29		Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch			R		R										R	R	M	M	R			M, A		R			
30		Tiếng Anh chuyên ngành 1															M, A	M, A	I	R									
31		Thực tế chuyên môn 1				I		R			R	R	R	R	R											R	M		M, A
32	4	Ứng dụng công nghệ thông tin trong du lịch															M, A	M, A								R			I
33		Phát triển kỹ năng mềm																	M, A				R			R	R		R
34		Văn hoá Đông Nam Á		R			M, A																			R			R
35		<i>Giáo dục thể chất 4</i>																											
36		<i>Quản lý văn hoá đô thị</i>		.R			.M																		.R		.R		.R
38		<i>Phát triển du lịch bền vững</i>		.R				.R																	.R	.R		.R	
39	5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	R	M																						R	R	R	
40		Marketing du lịch						R	M, A	R	R															R			

60		Quản lý Nhà nước về văn hoá, du lịch	M						R		R	M, A								R		M, A	R						
61		Địa danh học và địa danh Việt Nam		.M		.R						.I																	
62		Lịch sử văn học Việt Nam		.M																	.R					.R			
63	8	Thực tập tốt nghiệp		R	R	R	M	R		R		M	M, A	M, A	M, A	M, A		R		R			R	M, A	M, A				
64		Khoá luận tốt nghiệp	.M				.M	.M		.M		.M	.M	.M	.R	.R		.R	.M	.M	.M	.M	.M	.M	.M				
65		Chuyên luận tốt nghiệp 1 (văn hoá)											.M	.M	.M	.R				.R			.M	.M	.M	.M			
66		Chuyên luận tốt nghiệp 2 (du lịch)		.R									.M	.M	.M	.R		.I		.R									
Tổng hợp số lượng học phần BB theo các mức độ đóng góp																													
Mức I			2	5	2	2	1	2	2	1	2	2	1	2	2	1	1	3	1	3	4	7	2	4	1	5	2	3	2
Mức R			3	6	3	8	2	5	3	3	4	3	6	5	4	3	5	6	3	4	9	17	9	6	7	6	9	8	4
Mức M			5	7	2	6	3	2	1	2	1	3	4	3	3	3	2	2	2	2	3	4	1	2	4	3	4	1	2
HP đóng góp			10	18	7	16	6	9	6	6	7	8	11	10	9	7	8	11	6	9	16	28	12	12	12	14	15	12	8
HP đánh giá PI			2	3	2	3	2	2	2	2	2	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
HP đánh giá PLO			7		5		4		4		5		6			8			6			6			6				

Ghi chú: Các mức độ đóng góp của mỗi HP đến việc hình thành các PLO: I (Introduced); R (Reinforced); M (Mastery); A (Assessed).

4.2. Tóm tắt nội dung các học phần

TT	Tên học phần	Tóm tắt nội dung học phần	Mã học phần	Số TC	Học phần học trước
Khối kiến thức Giáo dục đại cương					
1	Triết học Mác – Lênin	Học phần Triết học Mác – Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình; cung cấp những hiểu biết có tính căn bản, hệ thống về triết học Mác-Lênin; xây dựng thế giới quan và phương pháp luận biện chứng duy vật làm nền tảng lý luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung các môn học khác; giúp người học nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác – Lênin. Nội dung của học phần được cấu trúc gồm 3 chương. Chương 1 Khái luận về triết học và triết học Mác – Lênin. Chương 2, chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3, chủ nghĩa duy vật lịch sử.	21231902	3	
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Kinh tế Chính trị Mác-Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình đào tạo. Nội dung của học phần gồm 6 chương, được kết cấu thành 2 phần chính: - Một là, nghiên cứu các vấn đề kinh tế chính trị của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa trong cả hai giai đoạn là tự do cạnh tranh và giai đoạn độc quyền. - Hai là, nghiên cứu các vấn đề về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam	21331901	2	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin và là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo. Học phần được kết cấu thành hai phần chính: - Một là, nghiên cứu những vấn đề cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin. - Hai là, nghiên cứu những vấn đề chính trị - xã hội của Việt Nam liên quan đến chủ	31221903	2	

		nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.			
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Ngoài chương nhập môn và kết luận, học phần có 3 chương đề cập đến những tri thức khoa học về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018); Một số bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng. Qua đó, khẳng định những thành công, ưu điểm, nêu lên hạn chế, kinh nghiệm trong tiến trình lãnh đạo cách mạng của Đảng	21231904	2	
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc, khối kiến thức đại cương cung cấp những kiến thức cơ bản về tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh với ý nghĩa là sự vận dụng sáng tạo lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể Việt Nam, đồng thời là cơ sở lý luận trực tiếp trong việc hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam từ 1930 đến nay. Học phần này giúp sinh viên hiểu được một cách tương đối đầy đủ và có hệ thống về bối cảnh lịch sử - xã hội, cơ sở hình thành, phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Các nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, Về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, Về văn hóa, đạo đức, con người	21321922	2	
6	Tin học đại cương	Học phần Tin học đại cương được học ở năm thứ nhất đối với tất cả sinh viên các chuyên ngành không chuyên tin học. Học phần Tin học đại cương củng cố và cung cấp các kiến thức, kỹ năng sử dụng máy tính, các công nghệ hiện đại và internet phức tạp hơn so với các kiến thức, kỹ năng đã được học ở chương trình phổ thông. Hơn nữa, học phần đi sâu vào một số tính năng nâng cao của ba phần mềm thuộc bộ Microft Office là Word, Excel và Powerpoint. Học phần này dành cho tất cả sinh viên của trường Đại học Sư phạm, trừ sinh viên ngành Công nghệ thông tin và Sư	31621885	2	

		phạm Tin học			
7	Pháp luật đại cương	Pháp luật đại cương là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo của tất cả các ngành học. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Nhà nước và pháp luật như: Nguồn gốc bản chất, chức năng, vai trò, hình thức, đặc trưng của Nhà nước và pháp luật; về quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, hệ thống pháp luật, ý thức pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý, pháp chế xã hội chủ nghĩa. Đồng thời giới thiệu một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam như: Luật Dân sự, Luật Hình sự, Luật Hành chính	31221549	2	
Khối kiến thức Cơ sở và ngành					
8	Cộng đồng các dân tộc Việt Nam	Nội dung học phần bao gồm những kiến thức tổng quan về cộng đồng, tộc người, vấn đề xác minh thành phần tộc người, khái niệm văn hóa, vùng văn hóa, các lý thuyết liên quan đến tộc người và văn hóa tộc người. Các đặc điểm về tên gọi, nguồn gốc, thành phần, phân bố, dân cư, kinh tế - xã hội - văn hóa của 54 dân tộc ở Việt Nam và chính sách dân tộc, đoàn kết dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Học phần dạy cho sinh viên cần phải có thái độ khách quan, tránh sự đánh giá thiên lệch, tuyệt đối hóa đối tượng theo một thiên kiến có sẵn. Hình thành thái độ tôn trọng tính đa dạng văn hóa của các tộc người	31831005	3	
9	Lịch sử thế giới đại cương	Lịch sử thế giới đại cương là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình đào tạo ngành cử nhân Việt Nam học. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về tiến trình hình thành, phát triển của lịch sử nhân loại từ nguồn gốc đến nay. Trên cơ sở đó, sẽ giúp học sinh hình dung được một cách khái quát những nội dung kiến thức cơ bản liên quan đến đời sống kinh tế, chính trị văn hóa, xã hội của nhân loại qua các thời kì lịch sử khác nhau, đặt nền tảng về mặt kiến thức để sinh viên có thể dễ dàng tiếp cận với những vấn đề chuyên sâu trong nghiên cứu văn hóa thế giới, Việt Nam ở những học phần sau và góp phần bồi dưỡng ở người học thái độ phù hợp đối với những thành tựu của lịch sử nhân	31831010	3	

		loại và hình thành các kỹ năng tương ứng			
10	Lịch sử văn minh thế giới	Học phần Lịch sử văn minh thế giới là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Cử nhân Việt Nam học. Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức về các nền văn minh của nhân loại như nền văn minh Bắc Phi và Tây Á; Ấn Độ, Trung Quốc và khu vực Đông Nam Á; Hy Lạp, La Mã và Tây Âu thời cổ trung đại; nền văn minh công nghiệp và nền văn minh thế giới thế kỷ XX. Đồng thời, học phần cũng rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá các nội dung lịch sử văn minh thế giới, kỹ năng làm việc nhóm và sử dụng được tiếng Anh chuyên ngành phục vụ cho học tập, nghiên cứu và làm việc	31821421	2	
11	Lịch sử Việt Nam đại cương	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về lịch sử Việt Nam từ giai đoạn nguyên thủy, qua thời Bắc thuộc, các triều đại quân chủ độc lập tự chủ, giai đoạn kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và công cuộc xây dựng đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội; đồng thời giúp sinh viên tiếp cận lịch sử Việt Nam ở các khía cạnh chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa. Qua đó, rút ra những quy luật vận động và phát triển của lịch sử Việt Nam cũng như các bài học lịch sử liên hệ giải quyết các vấn đề cấp thiết ở Việt Nam hiện nay	31831424	3	
12	Địa lý Việt Nam	Địa lý Việt Nam là một học phần có tính khoa học liên ngành, là môn học của ngành Cử nhân Việt Nam học. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về vị trí Địa lý và phạm vi lãnh thổ, Địa lý tự nhiên Việt Nam; đặc điểm dân cư, dân tộc, các ngành kinh tế và các vùng kinh tế của Việt Nam phù hợp với ngành học Địa lý và Lịch sử	31921051	2	
13	Nhập môn văn hóa Việt Nam	Môn học <i>Nhập môn văn hóa Việt Nam</i> trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa và văn hóa Việt Nam như một số thuật ngữ, khái niệm, phương pháp tiếp cận, và lý luận về văn hóa; phác thảo tiến trình, hệ thống các thành tố văn hóa Việt Nam; đúc kết các hằng số cơ bản của văn hóa dân tộc; gợi mở và bàn luận về mối quan hệ giữa văn hóa và phát triển trong thời kỳ hội nhập hiện nay. Môn học	31731075	3	

		gồm 4 nội dung chính: (1). Văn hóa và cách tiếp cận văn hóa Việt Nam; (2). Diễn trình lịch sử văn hóa Việt Nam; (3). Các thành tố văn hóa Việt Nam; (4). Các vùng văn hóa Việt Nam			
14	Nhập môn khoa học du lịch	Nội dung học phần bao gồm những kiến thức tổng quan về khái niệm du lịch, du khách; về lịch sử hình thành và phát triển du lịch trên thế giới và Việt Nam; các điều kiện để phát triển du lịch; các loại hình du lịch; các lĩnh vực kinh doanh và hoạt động của ngành du lịch; sơ lược hoạt động marketing. Học phần giúp sinh viên xây dựng thái độ chuyên nghiệp, làm việc khoa học, tôn trọng bản sắc văn hóa-du lịch vùng miền	31831011	3	
15	Tuyển điểm du lịch	Đây là học phần nghiệp vụ chuyên ngành đặc biệt quan trọng, là học phần có tính chất bắt buộc đối với chương trình đào tạo hệ cử nhân chuyên ngành Việt Nam học, góp phần cung cấp những kiến thức cơ bản về chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức lý thuyết về tuyển điểm du lịch; những kiến thức lịch sử, địa lý, văn hoá, xã hội, môi trường du lịch trên các vùng du lịch Việt Nam. Đặc biệt, trang bị cho người học những kỹ năng thực hành trong xây dựng tuyển-điểm du lịch và các chương trình du lịch gắn liền với tuyển. Học phần có ý nghĩa tạo nền tảng về chuyên môn, nghiệp vụ cho các học phần như nghiệp vụ điều hành chương trình du lịch, nghiệp vụ hướng dẫn du lịch...; giúp người học vận dụng vào công việc thực tiễn tại các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch và lễ hành	31831014	3	31831011
16	Kinh tế du lịch	Học phần Kinh tế du lịch là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Việt Nam học (Chuyên ngành Văn hóa – Du lịch). Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức tổng quan về tác động của việc phát triển du lịch tới kinh tế, văn hóa – xã hội và môi trường; các bộ phận cung – cầu của thị trường du lịch và mối quan hệ giữa chúng; tác động của tính thời vụ tới hoạt động kinh doanh du lịch; đặc điểm của các ngành kinh doanh trong du lịch và các chỉ tiêu	31831115	3	

		<p>cơ bản để đánh giá hiệu quả kinh tế du lịch. Đây là nội dung kiến thức nền tảng cần thiết giúp sinh viên có thể vận dụng để học tốt các học phần chuyên ngành về du lịch</p>			
Khối kiến thức chuyên ngành hoặc nghiệp vụ					
17	<p>Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Việt Nam học</p>	<p>Học phần giới thiệu về những vấn đề chung của khoa học và nghiên cứu khoa học; một số phương pháp nghiên cứu khoa học được vận dụng trong nghiên cứu Việt Nam học. Vận dụng những kiến thức đã học tiến trình nghiên cứu khoa học và cuối cùng là thực hành xây dựng đề cương nghiên cứu</p>	31821015	2	
18	<p>Văn hóa Đông Nam Á</p>	<p>Học phần Văn hóa Đông Nam Á là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Cử nhân Việt Nam học (chuyên ngành Văn hóa - Du lịch). Nội dung chủ yếu của học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và có hệ thống về điều kiện hình thành, diễn trình lịch sử và những thành tựu chủ yếu của văn hóa Đông Nam Á. Giúp sinh viên nhận diện những giá trị văn hóa vật chất, tinh thần của nền văn hóa bản địa Đông Nam Á, đặt trong sự giao lưu tiếp biến với nền văn hóa của các khu vực khác trên thế giới. Xác định được những điểm tương đồng, khác biệt; nguyên tắc thống nhất trong đa dạng cũng như vai trò quan trọng của văn hóa Đông Nam Á trong quá trình hội nhập của cộng đồng khu vực hiện nay</p>	31831945	3	31821421
19	<p>Các loại hình nghệ thuật Việt Nam</p>	<p>Giúp cho sinh viên hiểu rõ tiến trình phát triển các loại hình nghệ thuật Việt Nam gắn liền với các giai đoạn lịch sử. Thông qua đó hiểu được tinh hoa của các loại hình nghệ thuật Việt Nam, nhằm kế thừa và phát huy các giá trị truyền thống của cha ông. Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản để nhận biết, đánh giá được đặc điểm kiến thức các thời kỳ trong lịch sử phát triển các loại hình nghệ thuật Việt Nam. Qua</p>	31831023	3	

		<p>đó sinh viên hiểu được công năng, nghệ thuật của chất liệu và các vật liệu dân gian truyền thống Việt Nam.</p> <p>Dưới ánh sáng đường lối văn hoá văn nghệ của Đảng cộng sản Việt Nam quang vinh, với nỗ lực nghiên cứu tìm tòi của các ngành văn hoá – nghệ thuật và khoa học xã hội hữu quan như lịch sử, khảo cổ, dân tộc học v.v... Chúng ta có nhiệm vụ và cần thiết tìm hiểu, kế thừa để phát huy những tinh hoa truyền thống nghệ thuật dân tộc để xây dựng nền văn hoá – nghệ thuật Việt Nam vừa đậm đà bản sắc truyền thống dân tộc lại vừa hiện đại để theo kịp xu hướng phát triển chung của thế giới</p>			
20	Quản lý Nhà nước về văn hoá, du lịch	<p>Học phần Quản lý nhà nước về văn hóa, du lịch là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Cử nhân Việt Nam học (chuyên ngành Văn hóa - Du lịch). Nội dung chủ yếu của học phần cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản của quản lý nhà nước trong các lĩnh vực cụ thể về văn hóa và lĩnh vực du lịch; quy trình hoạt động xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện của hệ thống pháp luật trong quản lý nhà nước về văn hóa, du lịch. Qua đó, học phần giúp người học nâng cao hiểu biết, hình thành ý thức tuân thủ, chấp hành đúng chính sách, pháp luật của nhà nước về văn hóa, du lịch cũng như khả năng nhận diện và giải quyết các vấn đề, hiện tượng cụ thể trong lĩnh vực văn hóa, du lịch</p>	31821017	2	31731075, 31831011
21	Văn hóa du lịch	<p><i>Văn hóa du lịch</i> là môn học cung cấp một cái nhìn toàn diện về khái niệm du lịch, văn hóa du lịch, mối quan hệ giữa văn hóa và du lịch, hệ thống các thành tố văn hóa du lịch Việt Nam và những đặc trưng của chúng, tính đa dạng của các loại hình du lịch văn hóa ở Việt Nam. Môn học gồm 3 chương chính: (1) Dẫn luận du lịch và văn hóa du lịch; (2) Văn hóa trong hoạt động du lịch; (3) Du lịch văn hóa ở Việt Nam</p>	31821019	2	31731075
22	Tổ chức sự kiện	<p>Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công tác tổ chức sự kiện như: quy trình tổ chức, các yếu tố ảnh hưởng đến công tác tổ chức sự kiện; công tác lập kế hoạch, triển khai giám sát, xử lý tình huống trong quá trình tổ chức một số sự kiện phổ biến và các kỹ năng cần thiết cho quá trình tổ chức sự kiện</p>	31821898	2	

23	Nghệ vụ hướng dẫn du lịch	<p>Đây là học phần nghiệp vụ chuyên ngành đặc biệt quan trọng, là học phần có tính chất bắt buộc đối với chương trình đào tạo hệ cử nhân chuyên ngành Việt Nam học (Văn hóa - Du lịch), góp phần cung cấp những kiến thức cơ bản về chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng phục vụ cho công việc hướng dẫn du lịch. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ hướng dẫn du lịch như: tổng quan về hoạt động hướng dẫn du lịch, vị trí, vai trò, chức năng của hướng dẫn viên du lịch; những phẩm chất và năng lực cần có của người hướng dẫn viên du lịch; tổ chức hoạt động hướng dẫn du lịch; phương pháp và kỹ năng hướng dẫn tham quan du lịch; nghệ thuật ứng xử và kỹ năng xử lý tình huống trong hoạt động hướng dẫn du lịch; tìm hiểu pháp luật về du lịch Việt Nam chuyên ngành hướng dẫn du lịch. Học phần có ý nghĩa trang bị về nghiệp vụ chuyên ngành cho người học, giúp vận dụng vào công việc thực tiễn tại các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch và lễ hành</p>	31841128	4	31831011, 31831014
24	Bảo tàng học	<p>Bảo tàng học là học phần cung cấp cho người học những tri thức cơ bản, hệ thống về khoa học bảo tàng, lịch sử hình thành của ngành Bảo tàng trên thế giới và Việt Nam, phân loại hệ thống bảo tàng với các chức năng, đặc trưng riêng, vai trò của bảo tàng đối với hoạt động giữ gìn di sản văn hóa và hoạt động du lịch. Học phần Bảo tàng học cũng cung cấp cho người học các kỹ năng, nghiệp vụ bảo tàng Việt Nam hiện nay</p>	31721023	2	
25	Văn hoá ẩm thực Việt Nam	<p>Văn hóa ẩm thực Việt Nam là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Cử nhân Việt Nam học (chuyên ngành Văn hóa - Du lịch). Nội dung chủ yếu của học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức khái quát và bức tranh toàn cảnh của văn hóa ẩm thực Việt Nam, từ những vấn đề lí luận chung đến những hiện tượng văn hóa ẩm thực cụ thể. Giới thiệu cho sinh viên những quan niệm, đặc điểm trong ăn uống của người Việt; cách đánh giá, phân loại ẩm thực Việt Nam cũng như nhìn nhận, đánh giá về đặc trưng văn hóa ẩm thực vùng</p>	31831939	3	

		miền ở Việt Nam. Qua đó, học phần giúp người học nâng cao hiểu biết và niềm tự hào về văn hóa ẩm thực của dân tộc; khẳng định vai trò quan trọng của văn hóa ẩm thực trong khai thác phát triển du lịch			
26	Nghiệp vụ nhà hàng - khách sạn	Học phần Nghiệp vụ nhà hàng - khách sạn trang bị cho sinh viên ngành du lịch hiểu rõ về yêu cầu của nghề nhà hàng, khách sạn và các tiêu chuẩn, tiêu chí và yêu cầu của một nhân viên trong ngành phục vụ. Đặc biệt, trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên môn về tổ chức, đón tiếp và phục vụ khách tại khách sạn, nhà hàng, quầy bar đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, an toàn, an ninh, chu đáo và lịch sự. Rèn luyện kỹ năng, nghiệp vụ chăm sóc và phục vụ khách hàng, khả năng nắm bắt tâm lý khách hàng trong quá trình phục vụ. Học phần còn giới thiệu các quy trình thực hiện công việc trong các lĩnh vực: tiếp tân, phục vụ buồng, phục vụ bàn, bar hợp lý khoa học và đúng tiêu chuẩn qui định	31841020	4	31831021
27	Quản trị nhà hàng - khách sạn	Quản trị nhà hàng – khách sạn là phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Việt Nam học (Chuyên ngành Văn hóa – Du lịch). Học phần cung cấp cho sinh viên những cơ sở lý luận và thực tiễn về hoạt động kinh doanh nhà hàng, khách sạn như bản chất, đặc điểm của hoạt động kinh doanh khách sạn; cơ cấu tổ chức; các nội dung về quản trị các nguồn lực; cách thức tổ chức hoạt động và đánh giá kết quả kinh doanh trong nhà hàng, khách sạn; các nền tảng kiến thức về kinh tế, từ đó, vận dụng vào tổ chức và quản lý vận dụng chuyên sâu cho công tác quản trị các nguồn lực được khai thác sử dụng trong hoạt động kinh doanh nhà hàng - khách sạn	31831021	3	31831366
28	Quản trị kinh doanh lễ hành	Quản trị kinh doanh lễ hành là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Việt Nam học (Chuyên ngành văn hoá – du lịch). Mục đích chính của môn học là trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng về kinh doanh lễ hành và hình thành kỹ năng quản lý, điều hành các hoạt động của doanh nghiệp lễ hành. Thông qua các hoạt động, bài tập được giao, sinh viên còn có	31831118	3	31831022

		<p>ơ hội phát triển các kỹ năng về thuyết trình, báo cáo, hoạt động nhóm. Học phần này còn hỗ trợ kiến thức cho các học liên quan đến du lịch như Nghiệp vụ điều hành chương trình du lịch, Quản trị nhân sự du lịch, Thị trường du lịch</p>			
29	Tâm lý khách du lịch	<p>Học phần Tâm lý khách du lịch trình bày một cách có hệ thống những tri thức cơ bản, hiện đại về tâm lý du khách. Hệ thống tri thức của môn học này là một trong những cơ sở khoa học quan trọng, để người làm việc trong lĩnh vực kinh doanh du lịch có sự định hướng và thực hiện hoạt động của mình nhằm phù hợp với đặc điểm tâm lý của của du khách</p>	32021005	2	
30	Ứng dụng Công nghệ thông tin trong du lịch	<p>Học phần Ứng dụng công nghệ thông tin trong du lịch là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Việt Nam học (Chuyên ngành Văn hóa – Du lịch). Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về công nghệ thông tin và ứng dụng của công nghệ thông tin trong các hoạt động du lịch như một số phần mềm ứng dụng phổ biến, các dịch vụ internet và các phương thức tiếp thị số. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể thực hành vận dụng trong các trường hợp cụ thể nhằm phục vụ cho các hoạt động nghề nghiệp</p>	31821093	2	31221885
31	Nghiệp vụ điều hành chương trình du lịch	<p>Đây là học phần nghiệp vụ chuyên ngành đặc biệt quan trọng, là học phần có tính chất bắt buộc đối với chương trình đào tạo hệ cử nhân chuyên ngành Việt Nam học, góp phần cung cấp những kiến thức cơ bản về chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức lý thuyết về kinh doanh lữ hành và điều hành chương trình du lịch; trang bị cho người học những kỹ năng thực hành trong thiết kế và điều hành chương trình du lịch, trong đàm phán, bán và ký kết hợp đồng dịch vụ du lịch, trong quản trị chất lượng dịch vụ du lịch và các thủ tục xuất nhập cảnh. Học phần có ý nghĩa trang bị về nghiệp vụ chuyên ngành cho người học, giúp vận dụng vào công việc thực tiễn tại các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành</p>	31831022	3	31831014
32	Sự du nhập	<p>Sự du nhập và tiếp biến văn hoá Đông - Tây ở Việt Nam là một học phần bắt buộc</p>	31821016		

	và tiếp biến văn hóa Đông - Tây ở Việt Nam	nằm trong khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo của ngành Việt Nam học. Nội dung học phần bao gồm Những vấn đề chung về quá trình du nhập và tiếp biến văn hoá Đông - Tây ở Việt Nam, Diễn trình của quá trình du nhập và tiếp biến văn hoá Đông - Tây ở Việt Nam, Hệ quả, đặc điểm của quá trình du nhập và tiếp biến văn hoá Đông - Tây ở Việt Nam		2	
33	Văn hóa vùng và tiểu vùng ở Việt Nam	Học phần Văn hóa vùng và tiểu vùng ở Việt Nam là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Cử nhân Việt Nam học (Chuyên ngành Văn hóa - Du lịch). Nội dung chủ yếu của học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức khái quát và bức tranh toàn cảnh về văn hóa vùng và tiểu vùng ở Việt Nam, từ những vấn đề lí luận chung đến những hiện tượng văn hóa cụ thể. Học phần trang bị cho người học khả năng nhận diện, phân loại các vùng và tiểu vùng văn hóa ở Việt Nam. Giới thiệu cho sinh viên những đặc điểm tự nhiên, kinh tế, lịch sử xã hội của các vùng, tiểu vùng văn hóa ở Việt Nam; cách nhìn nhận, đánh giá những thành tựu văn hóa độc đáo của các vùng, tiểu vùng văn hóa cũng như nhận định được mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển trong văn hóa vùng và tiểu vùng ở Việt Nam	31821096	2	31731075
34	Tín ngưỡng và các tôn giáo ở Việt Nam	Học phần Một số tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam sẽ trình bày một số vấn đề lý luận về tôn giáo, tín ngưỡng như: khái niệm, bản chất, nguồn gốc, chức năng, loại hình. Đi sâu vào một số tín ngưỡng phổ biến ở Việt Nam: tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, tín ngưỡng thờ Thành hoàng và tín ngưỡng thờ Mẫu. Đồng thời, học phần giới thiệu các tôn giáo chính ở Việt Nam hiện nay như Phật giáo, Công giáo, đạo Tin lành, Hồi giáo, Balamôn giáo, đạo Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo. Cuối cùng, học phần sẽ trình bày một số đặc điểm chính trong tình hình đời sống tôn giáo ở Việt Nam hiện nay. Bên cạnh đó, đề cập đến quan điểm chỉ đạo, nguyên tắc, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam đối với tôn giáo, tín ngưỡng	31831121	3	31831424
35	Văn hóa	Học phần chú trọng làm rõ các vấn đề liên quan đến văn hóa làng xã ở Việt Nam	31821095	2	31831424,

	làng xã Việt Nam	như: các thành tố, thiết chế của văn hóa làng, đặc trưng văn hóa làng và di sản văn hóa làng, vị trí, đóng góp của văn hóa làng trong nền văn hóa Việt. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp những kiến thức về một số vấn đề chung của làng xã; sự hình thành và phát triển của làng xã; đặc điểm cơ bản của làng xã; vai trò của làng xã trong bảo tồn các giá trị truyền thống dân tộc, xây dựng và bảo vệ đất nước			31731075
36	Văn hoá Chăm	Nội dung học phần bao gồm những kiến thức tổng quan về văn hóa Chăm. Đó là quá trình hình thành, phát triển của tộc người Chăm, sự ra đời của vương quốc Champa, diễn trình lịch sử, các dấu ấn của văn hóa Champa, các thành tựu của văn hóa Chăm	31831018	3	
37	Marketing du lịch	Học phần marketing du lịch trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về các hoạt động marketing liên quan đến lĩnh vực du lịch. Nội dung chương trình học bao gồm kiến thức tổng quan về lịch sử hình thành, phát triển của marketing, các đặc tính của dịch vụ và dịch vụ du lịch, hành vi khách hàng, lựa chọn thị trường mục tiêu và marketing mix trong kinh doanh du lịch. Học phần cũng giúp phát triển các kỹ năng mềm cần thiết cho sinh viên chuyên ngành văn hóa – du lịch, như kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm	31831457	3	
38	Thực tế chuyên môn 1	Thực tế chuyên môn 1 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo dành cho sinh viên ngành Cử nhân Việt Nam học (chuyên ngành Văn hóa - Du lịch). Trong học phần này, sinh viên được học tập, nghiên cứu, trải nghiệm thực tế tại các điểm tài nguyên du lịch, các khu du lịch, trung tâm du lịch, di tích lịch sử, văn hóa, bảo tàng; các danh lam thắng cảnh của đất nước tại cá tỉnh thành phía Bắc. Qua đó, giúp người học thấy rõ sự cần thiết phải gắn lý thuyết với thực tiễn trong quá trình học tập, nghiên cứu; giúp sinh viên rèn luyện những kỹ năng nghề nghiệp cần thiết trong lĩnh vực văn hóa, du lịch	31821676	2	31731075, 31831011
39	Thực tế chuyên môn	Thực tế chuyên môn 2 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo dành cho sinh viên ngành Cử nhân Việt Nam học (chuyên	31821850	2	31821676

	2	ngành Văn hóa - Du lịch). Trong học phần này, sinh viên được học tập, nghiên cứu, trải nghiệm thực tế tại các điểm tài nguyên du lịch, các khu du lịch, trung tâm du lịch, di tích lịch sử, văn hóa, bảo tàng; các danh lam thắng cảnh của đất nước tại các tỉnh thành phía Nam. Qua đó, giúp người học thấy rõ sự cần thiết phải gắn lý thuyết với thực tiễn trong quá trình học tập, nghiên cứu; giúp sinh viên rèn luyện những kỹ năng nghề nghiệp cần thiết trong lĩnh vực văn hóa, du lịch			
40	Kiến tập	Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành Việt Nam học. Học phần kiến tập chuyên môn là kỳ thực tập diễn ra trong giai đoạn đầu của chương trình học của sinh viên chuyên ngành Việt Nam học, trước khi (hoặc song song) với quá trình học chuyên ngành. Học phần giúp người học hình thành nhận thức cơ bản về môi trường làm việc, lĩnh vực/ngành nghề mình đang theo học; hình thành nền tảng cho tác phong, quy cách làm việc và các kỹ năng làm việc cơ bản; tạo tiền đề xây dựng các mối quan hệ trong công việc tại các tổ chức, doanh nghiệp. Học phần cũng đồng thời góp phần định hướng nghề nghiệp, định hướng kế hoạch học tập và phát triển bản thân trong suốt thời gian theo học chuyên ngành	31821094	2	
41	Tiếng Anh chuyên ngành 1	Học phần tiếng Anh chuyên ngành 1 cung cấp cho sinh viên những thuật ngữ tiếng anh chuyên ngành về du lịch ở các lĩnh vực lễ hành, khách sạn. Nâng cao năng lực ngoại ngữ cho người học, giúp người học có thể sử dụng tiếng anh trong đời sống và phục vụ công việc chuyên môn sau này	31831864	3	
42	Tiếng Anh chuyên ngành 2	Tiếng Anh chuyên ngành 2 là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Cử nhân Việt Nam học (Chuyên ngành Văn hóa – Du lịch). Học phần cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng tiếng Anh được sử dụng phổ biến tại điểm đến du lịch, nhà hàng, khách sạn; ngôn ngữ để hướng dẫn du khách, thiết kế chương trình du lịch, marketing trong du lịch. Thông qua các hoạt động thực hành ngôn ngữ trong quá trình học, sinh viên biết được các thuật ngữ chuyên ngành phù hợp trong từng tình huống thực tế. Từ đó, sinh viên có thể vận	31831865	3	31831864

		dụng vào công việc liên quan trong quá trình làm việc sau này			
43	Phát triển kỹ năng mềm	Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng mềm cần thiết để áp dụng vào công việc và đời sống thường ngày, thích ứng với xã hội hiện đại và thực tiễn nghề nghiệp tương lai. Những kiến thức và kỹ năng rèn luyện được cũng sẽ đặt nền tảng giúp sinh viên có thể học tập và làm việc hiệu quả hơn trong các môn học sau	31831024	3	
Học phần tự chọn					
44	<i>Thống kê ứng dụng trong du lịch</i>	Học phần Thống kê ứng dụng trong du lịch là học phần tự chọn, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Việt Nam học (Chuyên ngành Văn hóa – Du lịch). Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về phương pháp thống kê như bản chất của thống kê, phân biệt được dạng biến kinh tế, kiến thức về xác định cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu, trình bày dữ liệu, mô tả thống kê; ước lượng, kiểm định giả thuyết, kiểm định phi tham số, hồi quy và tương quan, dự báo thông qua sử dụng phần mềm SPSS. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể thực hành vận dụng trong các trường hợp cụ thể nhằm phục vụ cho các hoạt động nghề nghiệp sau này	31831768	3	
45	<i>Các loại hình du lịch</i>	Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành Việt Nam học. Học phần cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về các loại hình du lịch đặc trưng; đồng thời cũng cung cấp cho người học một số định hướng và giải pháp để phát triển các loại hình du lịch. Đây là học phần có vai trò cung cấp những kiến thức nền tảng cho các học phần nghiệp vụ điều hành chương trình du lịch, quản trị kinh doanh lữ hành và nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, tổ chức sự kiện	31831007	3	31921051, 31831011
46	<i>Lịch sử văn học Việt Nam</i>	Học phần Lịch sử văn học Việt Nam cung cấp cho người học những giá trị tinh thần đã kết tinh trong lĩnh vực nghệ thuật ngôn từ của dân tộc Việt Nam. Từ đó góp phần bổ sung cho nhận thức về khoa học xã hội và nhân văn. Văn học là phần tinh túy nhất trong các giá trị văn hóa tinh thần và lịch sử văn học một dân tộc là bộ khung của phần tinh túy đó. Các nội dung của học phần vừa cung cấp cho người học cái	31721077	2	

		nhìn tổng thể về các sự kiện quan trọng của văn học dân tộc (các bộ phận, các giai đoạn, các thời kì, các trường phái, trào lưu, các tác giả nổi bật; đời sống thể loại và chất liệu sáng tạo, v.v.), vừa giúp cho người học có cái nhìn về tiến trình vận động, những kế thừa và phát triển những giá trị nhân văn trong quá trình tiếp xúc văn hóa với khu vực và thế giới			
47	<i>Địa danh học và địa danh Việt Nam</i>	Học phần Địa danh học và Địa danh Việt Nam là khoa học nghiên cứu về địa danh, bao gồm nguồn gốc, ý nghĩa, sử dụng và phân loại chúng. Cụ thể địa danh là tên gọi của các đối tượng trong tự nhiên, các công trình xây dựng, đơn vị hành chính, các vùng lãnh thổ gắn với đời sống con người, từ đó áp dụng để giải thích về nguồn gốc, ý nghĩa và tên gọi của địa danh Việt Nam. Hiện nay, địa danh là đối tượng quan tâm của nhiều lĩnh vực khoa học như lịch sử, địa lý, dân tộc học, văn hóa học, ngôn ngữ học...	31931018	3	
48	<i>Văn hóa biển đảo ở Việt Nam</i>	Học phần Văn hóa biển đảo Việt Nam cung cấp cho người học các kiến thức về vị trí địa lý, đặc điểm lịch sử - dân cư và môi trường kinh tế - xã hội vùng biển đảo Việt Nam. Đồng thời, học phần cũng phân tích biểu hiện của các thành tố văn hóa biển đảo, từ đó rút ra đặc điểm chung của văn hóa biển đảo ở Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần còn phân tích vai trò của văn hóa biển Việt Nam đối với xây dựng và phát triển đất nước hiện nay, những biến đổi của văn hóa biển đảo ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập nhiều thách thức cùng một số đề xuất mang tính giải pháp	31831941	3	31921051, 31731075
49	<i>Quản lý văn hóa đô thị</i>	Học phần Quản lý văn hoá đô thị cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đô thị và văn hoá đô thị, các đặc trưng của đô thị phương Đông và phương Tây. Môn học cũng cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về đô thị và văn hoá đô thị Việt Nam theo tiến trình lịch sử, các đặc trưng cơ bản của đô thị và văn hoá đô thị Việt Nam như: đời sống kinh tế, đời sống xã hội, đời sống văn hoá (vật chất và tinh thần), các vấn đề về tổ chức đô thị (quy hoạch, quản lý đô thị)... Môn học	31721653	2	

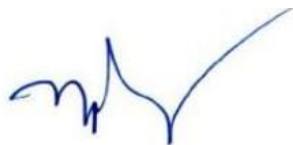
		gồm 3 chương chính: (1) Những vấn đề lí luận về đô thị và văn hoá đô thị; (2) Đô thị và văn hoá đô thị Việt Nam thời cổ trung đại; (3) Đô thị và văn hoá đô thị Việt Nam thời cận hiện đại			
50	<i>Thị trường du lịch</i>	Học phần Thị trường du lịch là học phần tự chọn, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Việt Nam học (Chuyên ngành Văn hóa – Du lịch). Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về bản chất, đặc điểm, chức năng, loại hình thị trường du lịch, yếu tố tác động tới thị trường du lịch, xu hướng phát triển của thị trường du lịch. Từ đó, sinh viên có thể phân tích các thị trường cụ thể như thị trường du lịch thế giới, thị trường du lịch ASEAN và thị trường du lịch Việt Nam nhằm giúp sinh viên có nền tảng để nhận diện được sự phát triển, các xu hướng của thị trường du lịch và vận dụng giải quyết các vấn đề thị trường trong hoạt động nghề nghiệp	31821749	2	31831366
51	<i>Quản trị nhân sự du lịch</i>	Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành Việt Nam học. Học phần cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản trong công tác quản trị nguồn nhân lực ngành du lịch, các kiến thức về chức năng của Quản trị nhân lực trong du lịch. Học phần cũng giúp sinh viên trau dồi những tiêu chuẩn và kỹ năng chuyên nghiệp cần có của người làm công tác nhân sự. Qua đó, giúp sinh viên trở thành nhà quản trị nguồn nhân lực đáp ứng được những đòi hỏi khắt khe của nền kinh tế thị trường	31821025	2	31831011
52	<i>Phát triển du lịch bền vững</i>	Phát triển du lịch bền vững là một môn học quan trọng, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Việt Nam học (Chuyên ngành văn hoá – du lịch). Nội dung chính của học phần là trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về phát triển du lịch bền vững. Đây là vấn đề quan trọng cấp thiết trong giai đoạn hiện nay của ngành du lịch Việt Nam, đó là phát triển làm sao đáp ứng được nhu cầu du lịch của hiện tại mà không làm tổn hại đến nhu cầu du lịch trong tương lai. Bên cạnh việc tìm hiểu các khái niệm cơ bản về du lịch, du lịch bền vững, phát triển du	31821551	2	31831007

		lịch bền vững học phần còn cung cấp những nội dung về phát triển du lịch bền vững ở những vùng du lịch nhạy cảm: vùng núi, vùng biển, vùng sinh thái hoang sơ, cũng như các công cụ và định hướng cho việc lập quy hoạch các điểm, khu du lịch nhằm đạt đến mục tiêu phát triển bền vững			
53	<i>Giao tiếp và tạo lập văn bản tiếng Việt</i>	Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức cơ bản hoạt động giao tiếp, văn bản, các loại văn bản và các nhân tố của văn bản; tạo điều kiện cho người học được rèn luyện các kỹ năng về giao tiếp, tạo lập các dạng thức văn bản khác nhau thông qua các bài tập tình huống từ đó có khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để sử dụng ngôn ngữ đúng chuẩn và hiệu quả	31721019	2	31841417
54	<i>Tài Nguyên du lịch</i>	Môn học cung cấp kiến thức về đặc điểm, vai trò của tài nguyên trong phát triển du lịch. Phân loại cho sinh viên các dạng tài nguyên du lịch khác nhau. Giới thiệu tài nguyên du lịch ở các vùng du lịch của Việt Nam	31821708	2	
55	<i>Quy hoạch du lịch</i>	Quy hoạch du lịch là một môn học quan trọng, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Việt Nam học (Chuyên ngành văn hoá – du lịch). Mục đích của học phần là trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan cũng như chuyên sâu về các vấn đề quy hoạch trong du lịch, đồng thời giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng về thuyết trình, báo cáo, hoạt động nhóm. Đặc biệt, sinh viên có cơ hội tham gia vào các dự án bảo vệ môi trường, các hoạt động bảo vệ tài nguyên du lịch như trồng cây xanh, làm sạch bãi biển, thu gom rác thải...	31821111	2	
Kiến thức Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp					
56	Thực tập tốt nghiệp	Trên cơ sở những kiến thức tiếp thu được từ đợt kiến tập, sinh viên rút ra cho mình những kinh nghiệm, yêu cầu cần có để thực hiện tốt nhất đợt thực tập tốt nghiệp của mình. Không chỉ theo dõi mà sinh viên còn được trực tiếp làm việc, trải nghiệm thực tế những vị trí việc làm phù hợp với năng lực, sở thích của mình. Đây là học phần rất quan trọng giúp sinh viên hoàn thiện những kỹ năng cần thiết, đúc kết những kinh nghiệm quý báu cho bản thân, tạo nền tảng vững chắc cho công việc tương lai	31831105	3	

57	<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>	Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành Việt Nam học. Học phần giúp sinh viên củng cố kiến thức và vận dụng những kiến thức lý thuyết đã được trang bị của ngành Văn hóa - Du lịch vào thực tiễn hoạt động kinh doanh tại các doanh nghiệp và các tổ chức du lịch. Qua đó sinh viên có thể nghiên cứu chuyên sâu nhằm bổ sung và khẳng định những vấn đề lý luận cho phù hợp hơn với nhu cầu thực tiễn	31861106	6	
58	<i>Chuyên luận tốt nghiệp 1 (văn hóa)</i>	Học phần Chuyên luận tốt nghiệp (văn hóa) giúp sinh viên áp dụng các kiến thức đã học về văn hóa vào nghiên cứu một vấn đề có liên quan đến văn hóa Việt Nam trong lịch sử và hiện nay. Đồng thời, rèn luyện cho sinh viên khả năng tổng hợp và xử lý tư liệu, khả năng nghiên cứu độc lập, tự giải quyết vấn đề một cách logic và khoa học	31831026	3	
59	<i>Chuyên luận tốt nghiệp 2 (du lịch)</i>	Học phần giúp sinh viên tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học. Trên cơ sở những kiến thức đã học sinh viên lựa chọn đề tài, lập đề cương và hoàn thành nội dung đề tài nghiên cứu theo sự định hướng của giảng viên hướng dẫn. Qua quá trình này giúp nâng cao năng lực nghiên cứu, khắc sâu thêm kiến thức chuyên ngành tạo tiền đề quan trọng cho việc phát triển và học lên bậc học cao hơn của sinh viên	31831027	3	

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Duy Phương

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Lưu Trang

